



p-ISSN 2815-648X
p-ISSN 1859-4611
e-ISSN 3030-4717

Tạp chí

KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

Tay Nguyen Journal of Science

SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG - HỘI NHẬP



Vol 19 • No 3, June of 2025

TẠP CHÍ KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Lê Đức Niêm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GS.TS. Nguyễn Anh Dũng

ỦY VIÊN

GS.TS. San-Lang Wang	I Đại học Tamkang, Đài Loan
GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân	I Bộ Giáo Dục và Đào tạo
GS.TS. Trương Bá Thanh	I Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
GS.TS. Lê Đức Ngoan	I Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế
GS.TS. Đinh Quang Khiếu	I Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
GS.TS. Đặng Tuấn Đạt	I Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
PGS.TS. Đặng Hà Việt	I Cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch
PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	I Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
PGS.TS. Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Trần Quang Hạnh	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Phan Văn Trọng	I Trường Đại học Tây Nguyên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ - PHỤ TRÁCH TRỊ SỰ

TS. Nguyễn Đình Sỹ I Phòng KH&QHQT

THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

CN. Y Zina Ksor	I Phòng KH&QHQT
ThS. Trần Thị Minh Hà	I Phòng KH&QHQT
KS. Lê Thụy Vân Nhi	I Phòng KH&QHQT
TS. Dương Quốc Huy	I Khoa KHTN&CN

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

Phòng Khoa học & Quan hệ Quốc tế, trường Đại học Tây Nguyên

567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: (84) 262.3853.276 Fax: (84) 262.3825.184

E-mail: tapchikhoahocdhtn@ttn.edu.vn | Website: <https://tnjos.vn>

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 3030-4717

Giấy phép hoạt động báo chí in số 197/GP-BTTTT,

do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 06/6/2023

In 50 quyển, khổ 20x29cm. In tại Công ty TNHH một thành viên In Đắk Lắk,

45 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2025.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
TAY NGUYEN UNIVERSITY

Tạp chí **KHOA HỌC** **TÂY NGUYÊN**

Tay Nguyen Journal of Science

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 2815-6471

Tập 19 - Số 3, tháng 06 năm 2025
Vol 19 - No 3, June of 2025

MỤC LỤC	TABLE OF CONTENTS	Tr./ pp.
KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ	NATURAL SCIENCES AND TECHNOLOGY	
1. Nghiên cứu nhân chuyển pha của quá trình ngưng tụ sợi amyloid – beta bằng phương pháp mô phỏng <i>Phùng Nguyễn Thái Hằng</i>	Simulation of phase nucleation during the aggregation of amyloid-beta fibrils <i>Phung Nguyen Thai Hang</i>	1
2. Tổng quan một số loài cây dược liệu tại vùng Tây Nguyên từ hoạt tính sinh học đến kỹ thuật nhân giống <i>in vitro</i> <i>Trần Văn Cường, Nguyễn Ngọc Hữu, Nguyễn Văn Minh, Phan Xuân Huyền, Hồ Thị Mỹ Vân, Trần Thị Phương Hạnh & Nguyễn Đình Sỹ</i>	Overview of bioactive compounds and in vitro propagation techniques of selected medicinal plants in the Central Highlands of Vietnam <i>Tran Van Cuong, Nguyen Ngoc Huu, Nguyen Van Minh, Phan Xuan Huyen, Ho Thi My Van, Tran Thi Phuong Hanh & Nguyen Dinh Sy</i>	8
3. Khảo sát thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học của cao chiết quả cây mướp rắn (<i>Trichosanthes cucumerina</i> L.) <i>Huỳnh Thị Hồng Trang & Lê Đỗ Thùy Vi</i>	Investigation of chemical composition and biological activity of snake gourd fruit extract (<i>Trichosanthes cucumerina</i> L.) <i>Huynh Thi Hong Trang & Le Do Thuy Vi</i>	23
KHOA HỌC NÔNG LÂM NGHIỆP	AGRICULTURAL AND FORESTRY SCIENCES	
4. Tình hình nhiễm sán dây <i>Moniezia</i> spp. ở đường tiêu hóa của dê thịt nuôi trong nông hộ trên địa bàn huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai <i>Bùi Thị Như Linh, Đàm Thị Thúy Hải & Thái Thị Bích Vân</i>	Prevalence of <i>Moniezia</i> spp. infection in the gastrointestinal tract of meat goats raised in smallholder farms in Chu Puh district, Gia Lai province <i>Bui Thi Nhu Linh, Dam Thi Thuy Hai & Thai Thi Bich Van</i>	33
KHOA HỌC SỨC KHỎE	HEALTH SCIENCES	
5. Đau vùng thắt lưng chậu trong thai kỳ - Tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố liên quan <i>Mai Ngọc Ba, Hồ Thúc Uyên Phương & Ngô Thị Hạ</i>	Low back pain in pregnancy - Prevalence and associated factors <i>Mai Ngoc Ba, Ho Thuc Uyen Phuong & Ngo Thi Ha</i>	39
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	
6. Đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn “Kẻ dự phần” của nhà văn Phong Điệp <i>Đoàn Tiến Dũng</i>	Features of reduplicative words in the short story collection “The participant” by the writer Phong Diep <i>Doan Tien Dung</i>	46
7. Nghiên cứu rào cản phát triển du lịch nông thôn tỉnh Bình Định <i>Nguyễn Hà Thanh Thảo, Trần Vũ Kim Ngân, Mai Trường Chinh & Hà Thị Kim Thoa</i>	Research on barriers to rural tourism development in Binh Dinh province <i>Nguyen Ha Thanh Thao, Tran Vu Kim Ngan, Mai Truong Chinh & Ha Thi Kim Thoa</i>	53
8. Văn hoá bến nước của người Êđê ở thành phố Buôn Ma Thuột - Thực trạng và một số giải pháp bảo tồn trong bối cảnh đổi mới <i>H Wen Aliô, Rơ Lan A Nhi, Y Cuôr Bkrông & Y Rô Bi Bkrông</i>	The water wharf culture of the Ede people in Buon Ma Thuot city - Current status and preservation solutions in the context of modernization <i>H Wen Alio, Ro Lan A Nhi, Y Cuor Bkrong & Y Ro Bi Bkrong</i>	65
9. Sinh kế của các hộ dân tộc thiểu số xã Đắk Phơi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk <i>Nguyễn Hoàng Trang, Trần Ngọc Thanh & Đỗ Thị Nga</i>	The livelihood of ethnic minority households in Dak Phoi commune, Lak district, Dak Lak province <i>Nguyen Hoang Trang, Tran Ngoc Thanh & Do Thi Nga</i>	73

10. Tác động của chất lượng cuộc sống - công việc đến sự gắn bó với tổ chức - Nghiên cứu tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Buôn Ma Thuột
Lê Việt Anh, Hà Thị Kim Duyên & Trương Văn Thảo

The impact of quality of work life on organizational commitment - A study of small and medium-enterprise in Buon Ma Thuot city
Le Viet Anh, Ha Thi Kim Duyen & Truong Van Thao

83
11. Nghiên cứu hành vi sử dụng ứng dụng mạng xã hội của Gen-Z trong việc lựa chọn địa điểm đến du lịch tại Bình Định
Phạm Ngọc Ánh, Nguyễn Xuân An, Lê Việt Cường, Nguyễn Thị Kim Chi, Phạm Trần Đức Hậu & Đỗ Thị Thanh Ngân

Research on the using of social network applications of Gen-Z in choosing tourist destinations in Binh Dinh
Pham Ngoc Anh, Nguyen Xuan An, Le Viet Cuong, Nguyen Thi Kim Chi, Pham Tran Duc Hau & Do Thi Thanh Ngan

96
12. Tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên
Bùi Thị Tâm & Đinh Thị Kiều Loan

Creating career motivation for first-year students of Primary Education at Tay Nguyen University
Bui Thi Tam & Dinh Thi Kieu Loan

111
13. Xây dựng mô hình tác động của tính bền vững doanh nghiệp đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk - Vai trò điều tiết của năng lực lãnh đạo và quy trình đổi mới
Lê Thanh Hà, Nguyễn Xuân Anh, Bùi Thị Bích Thủy, Trương Văn Thảo & Trương Thị Tuyết

Developing a model of the impact of corporate sustainability on the performance of small and medium-sized enterprises in Dak Lak province - The moderating role of leadership competence and the innovation process
Le Thanh Ha, Nguyen Xuan Anh, Bui Thi Bích Thuy, Truong Van Thao & Truong Thi Tuyet

120

TẠO ĐỘNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Bùi Thị Tâm¹, Đinh Thị Kiều Loan¹

Ngày nhận bài: 27/03/2025; Ngày phản biện thông qua: 07/05/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2025

TÓM TẮT

Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất biện pháp tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm nhất ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên. Nghiên cứu phân tích kết quả khảo sát của 187 sinh viên khóa 2024 - 2028 về lý do chọn ngành, thái độ và mức độ tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện. Kết quả cho thấy đa số sinh viên có thái độ tích cực, nhưng một số còn phân vân hoặc thiếu động lực nghề nghiệp. Tác giả đề xuất các biện pháp tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất như: Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân, Truyền cảm hứng về nghề cho sinh viên, Xây dựng thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Các biện pháp này nhằm thúc đẩy tinh thần tự giác, trách nhiệm và tình yêu nghề của sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

Từ khóa: Động lực, động lực nghề nghiệp, sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tây Nguyên.

1. MỞ ĐẦU

Hiện nay, công tác đào tạo giáo viên đang là vấn đề được toàn ngành giáo dục và cả xã hội quan tâm. Các trường đào tạo sư phạm tuyển chọn những học sinh có đủ phẩm chất đạo đức, có nguyện vọng vào ngành sư phạm, có điểm thi Trung học phổ thông đảm bảo ngưỡng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có điểm chuẩn phù hợp với ngành xét tuyển... để trở thành sinh viên sư phạm.... Thực tế cho thấy, một sinh viên sư phạm muốn trở thành giáo viên thực thụ phải hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành, trau dồi kiến thức chuyên môn, có kỹ năng giảng dạy, có khả năng kết nối với phụ huynh, tư vấn hỗ trợ học sinh... Quá trình học tập và rèn luyện lâu dài đòi hỏi sinh viên chăm chỉ, nỗ lực và quyết tâm cao vì vậy việc tạo động lực nghề nghiệp và duy trì động lực này cho sinh viên sư phạm ngay từ năm đầu tiên là vấn đề rất cần thiết. Bàn về vấn đề này, các nhà nghiên cứu tâm lý học đã chỉ ra rằng động lực có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người, động lực là một quá trình nội tại, giúp thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động liên tục (Murphy & Alexander, 2000; Pintrich, 2003; Schunk, 2000). Nhận thức được tầm quan trọng của động lực nghề nghiệp đối với sinh viên, các tác giả Hasan Şeker, Sabahattin Deniz and İzzet Görgen đã nghiên cứu về động lực nghề nghiệp của sinh viên trước khi ra trường và ý kiến của họ về Chương trình đào tạo, bài báo đã chỉ ra: Một trong những nguồn động lực cơ bản đối với sinh viên là tình yêu đối với lĩnh vực chuyên môn và cơ hội để ứng dụng những gì đã học vào thực tiễn

giảng dạy khi họ trở thành giáo viên (Hasan Şeker, 2015). Một nghiên cứu khác lại chỉ ra: Khi thành tích học tập của sinh viên sư phạm tăng, thì thái độ đối với nghề dạy học và động lực giảng dạy cũng tăng theo. Bên cạnh đó, những sinh viên tự nguyện lựa chọn nghề sư phạm có thái độ tích cực đối với nghề và động lực giảng dạy của họ (Kula, 2022). Nghiên cứu của nhóm tác giả thuộc Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ tìm hiểu động lực dạy của sinh viên năm cuối ngành Sư phạm tiếng Anh và ý định theo đuổi nghề dạy học của sinh viên. Bài viết chỉ ra sinh viên sư phạm tiếng Anh tham gia nghiên cứu đều có ý định trở thành giáo viên sau khi tốt nghiệp, (b) trải nghiệm học tập, đóng góp cho xã hội và định hướng tương lai của trẻ em là những yếu tố ảnh hưởng nhiều đến động lực dạy học của các em (Tran Thi Hong Duyen, 2020). Tác giả Tạ Chí Thành đã khảo sát thực trạng và đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng của công tác tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm ở trường Đại học Thủ đô Hà Nội (Thành, 2021).

Có thể nói, các tác giả đều khẳng định động lực nghề nghiệp là yếu tố quan trọng, cốt lõi góp phần thúc đẩy sinh viên hành động tập trung, chủ động và hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả, vượt trội nhất. Các nghiên cứu đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của động lực nội tại, chẳng hạn như niềm đam mê giảng dạy và mong muốn giúp đỡ người học, trong việc thúc đẩy sinh viên sư phạm theo đuổi nghề dạy học.

Trường Đại học Tây Nguyên đào tạo giáo viên tiểu học từ năm 1997, đến năm 2007 Bộ Giáo dục

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Tâm; ĐT: 0904471847; Email: bttam@ttn.edu.vn.

và Đào tạo cho phép đào tạo thêm chuyên ngành Giáo dục Tiểu học - tiếng Jrai. Sau gần 30 năm đào tạo đã có hơn 2500 sinh viên ra trường và công tác tại mọi miền của đất nước, góp phần vào sự phát triển của Tây Nguyên và cả nước. Những năm gần đây nhờ ưu đãi của Nhà nước cho sinh viên sư phạm, những đãi ngộ dành cho giáo viên... đã tạo nên sức hút cho khối ngành sư phạm nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Số lượng học sinh đăng kí nguyện vọng đông hơn, điểm chuẩn cũng cao hơn. Sinh viên đa phần nhiệt huyết, hào hứng với việc học tập và rèn nghề, có động cơ và thái độ nghiêm túc với việc học. Tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên chưa có động lực và duy trì động lực nghề nghiệp của mình. Khảo sát thực tế cho thấy, một số sinh viên chưa hứng thú, chưa tìm được nguồn động lực thúc đẩy để học tập và rèn luyện nên đã làm giảm sút động lực nghề nghiệp của cá nhân. Với mong muốn tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên, bài viết tập trung phân tích kết quả khảo sát sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học - tiếng Jrai (sau đây gọi chung là sinh viên Ngành Giáo dục Tiểu học) về lí do chọn nghề, thái độ niềm tin với nghề, mức độ tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên năm thứ nhất. Từ đó đề xuất các biện pháp tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Động lực nghề nghiệp của sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ những nội dung trên chúng tôi sử dụng phương pháp sau:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu liên quan đến bài viết: Đó là các công trình, bài viết về lí luận về động lực học tập, động lực nghề nghiệp, định hướng giá trị nghề nghiệp, biện pháp tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên.

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Phát phiếu cho 195 sinh viên năm thứ nhất, khóa tuyển sinh năm 2024 – 2028 (nhập học tháng 8/2024), chuyên ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai (gọi chung là sinh viên Ngành Giáo dục Tiểu học) để tìm hiểu về động cơ chọn nghề, động cơ học tập từ khi nhập học đến nay.

- Phương pháp thống kê toán học: Phương pháp thống kê được sử dụng để xử lí, phân tích kết quả điều tra, khảo sát về động lực nghề nghiệp của sinh viên.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số lí luận về động lực nghề nghiệp của sinh viên

3.1.1. Khái niệm động lực

Theo Bomia và các cộng sự: Động lực học tập là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập (Bomia, et al, 1997) là sự nỗ lực cố gắng để hoàn thành có kết quả một công việc nào đó (Durbin, A.J., 2008). Vì thế, động lực học tập có ảnh hưởng lớn đến thái độ học tập. Động lực được xem là nguyên nhân chính khởi nguồn cho các hành vi mang tính cá nhân.

Theo Từ điển bách khoa Tâm lý giáo dục đã nêu “Động lực thường được coi là có nguồn gốc từ những khát khao, do cá nhân có một nhu cầu đặc biệt, hoặc do họ chịu ảnh hưởng từ những hấp dẫn đến từ đối tượng, một lý tưởng hoài bão, hay một điều kiện, một vị trí nấc thang xã hội, hay một trạng thái tinh thần nào đó. Động lực chính là nguồn gốc cung cấp năng lượng thôi thúc để giúp cá nhân có thể phấn đấu vươn lên. Động lực thường mang tính chủ quan (vốn rất không giống ở những cá nhân khác nhau) (Phạm Minh Hạc, 2012). Nghĩa là, động lực của một cá nhân chính là tập hợp những ý tưởng và suy nghĩ rất riêng của cá nhân đó”.

Mặc dù định nghĩa về động lực vẫn chưa có sự thống nhất nhưng quan điểm chung của các nhà khoa học về động lực là một quá trình khuyến khích, dẫn dắt và duy trì hành vi của con người hướng đến thực hiện một vài mục đích. Do vậy, động lực luôn ở trạng thái bất định, linh hoạt; động lực là kết quả mang lại từ những ảnh hưởng cá nhân và các yếu tố môi trường. Những thay đổi về môi trường, xã hội sẽ tác động và ảnh hưởng đến mức độ động lực của con người. Động lực được xem xét gồm động lực nội sinh và động lực ngoại sinh. Động lực ngoại sinh là những động lực xuất phát từ bên ngoài chủ thể. Những yếu tố bên ngoài thúc đẩy cá nhân làm một điều gì đó. Động lực nội sinh là những động lực xuất phát từ bên trong chủ thể. Đó là những nguồn sức mạnh, thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vì lợi ích của hành vi đó (Thành, 2021).

3.1.2. Khái niệm động lực nghề nghiệp của sinh viên

Từ định nghĩa về động lực, động lực nghề nghiệp của sinh viên được hiểu như sau: “là nguồn gốc cung cấp năng lượng, thôi thúc để giúp cá nhân có thể phấn đấu vươn lên” với biểu hiện sự sẵn sàng, say mê học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp; Sự khao khát và tự nguyện của mỗi

cá nhân nhằm giải quyết những thách thức, khó khăn, phát huy mọi nỗ lực để hướng bản thân đạt được mục tiêu nghề nghiệp. Cũng như động lực, động lực nghề nghiệp bao gồm động lực ngoại sinh: những yếu tố thúc đẩy sinh viên có nguồn gốc từ bên ngoài, ví dụ: tiền lương, bằng khen, mối quan hệ bạn bè, kì vọng của gia đình, học bổng, lời khen,... Động lực nội sinh: Những yếu tố thúc đẩy sinh viên có nguồn gốc từ bên trong bản thân sinh viên. Chẳng hạn: sự ham học hỏi, lòng yêu nghề, nhận thức lợi ích của nghề, nguyện vọng trở thành chuyên gia, óc sáng tạo và hoài nghi khoa học,...

3.1.3. Các yếu tố tác động lên động lực nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

a. Lý do chọn nghề

Đây là yếu tố khởi đầu quan trọng hình thành động lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm. Các công trình nghiên cứu (Richardson, 2007), (Liên, 2016) cho thấy việc lựa chọn nghề từ những lí do sau:

Lý do tự thân: yêu thích nghề dạy học, yêu trẻ em, thấy bản thân có năng khiếu. Những lý do này thường tạo nên động lực bền vững và cam kết nghề nghiệp lâu dài.

Lý do ngoại sinh (tác động bên ngoài): Ảnh hưởng của gia đình (bố mẹ định hướng, gia đình có truyền thống làm giáo viên); Kỳ vọng xã hội (coi nghề giáo là cao quý, ổn định), Lý do tài chính: học phí thấp, được hỗ trợ học bổng; Không đủ điểm để vào ngành khác. Những lý do này nếu không được hỗ trợ điều chỉnh sẽ dễ dẫn đến thiếu động lực, học tập đối phó, thậm chí bỏ nghề sau tốt nghiệp.

b. Thái độ nghề nghiệp

Thái độ nghề nghiệp là những cảm xúc, nhận thức và xu hướng hành vi mà sinh viên sư phạm hình thành đối với nghề giáo viên. Khi thái độ nghề nghiệp tích cực, sinh viên có xu hướng: Chủ động, tự giác trong học tập và rèn luyện; Yêu thích công

việc giảng dạy; Mong muốn gắn bó lâu dài với nghề; Vượt qua khó khăn trong quá trình học tập và rèn nghề. Khi sinh viên: Hiểu đúng vai trò, giá trị của nghề giáo và cảm thấy hài lòng, tin tưởng vào sự lựa chọn nghề thì sẽ nỗ lực học tập không chỉ để “hoàn thành chương trình” mà để trở thành người giáo viên tốt (Richardson, 2007).

Sự chủ động, tự giác trong học tập và rèn luyện có biểu hiện (Thành, 2021): Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; Soạn bài, làm bài đầy đủ và tham gia thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu; Hoàn thành tốt các hoạt động học tập và rèn luyện; Tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn, Hội tổ chức, tham gia CLB, Hoạt động xã hội...; Đọc thêm tài liệu, sách báo liên quan đến nghề dạy học; Làm gia sư để tự rèn nghề; Tự giác học thêm các môn học ngoài chương trình như: nghệ thuật, ngoại ngữ, tin học...; Học hỏi thêm thầy cô, bạn bè và các anh chị khóa trên; Tự bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, tác phong của người GV tiểu học.

3.2. Thực trạng động lực nghề nghiệp của sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên

Khóa tuyển sinh 2024 – 2028 ngành Giáo dục Tiểu học ở trường Đại học Tây Nguyên có tổng số được 195 sinh viên. Sinh viên thuộc nhiều thành phần dân tộc và đến từ các địa phương trong cả nước. Ngoài 5 tỉnh Tây Nguyên, một số sinh viên đến từ các tỉnh xa như: Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Tiền Giang... Việc thay đổi môi trường sống và môi trường học tập cũng ảnh hưởng phần nào đến động lực nghề nghiệp của sinh viên. Để có căn cứ đề xuất các biện pháp, chúng tôi phát phiếu khảo sát cho toàn bộ sinh viên và nhận được 187 câu trả lời. Sau đây là kết quả khảo sát:

3.2.1. Lý do lựa chọn ngành Giáo dục Tiểu học

Khảo sát lý do chọn ngành Giáo dục Tiểu học của sinh viên năm thứ nhất thuộc khóa tuyển sinh 2024 – 2028. Kết quả như sau:

Bảng 1. Lý do chọn ngành Giáo dục Tiểu học

STT	Lý do	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
1	Yêu thích trẻ em	127	67.6%	1
2	Dễ xin việc, thu nhập ổn định	70	37.2 %	4
3	Có thời gian cho bản thân và gia đình	86	45.7%	2
4	Được xã hội tôn trọng	66	35.1%	5
5	Truyền thống gia đình là nhà giáo	26	13.8%	6
6	Nhận thấy bản thân có năng khiếu	78	41.5%	3
7	Không trúng tuyển các ngành khác	16	8.5%	7
8	Ý kiến khác	13	6.9%	8

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy. Sinh viên chọn nghề từ động lực là tình yêu trẻ em (chiếm 67.6%) đã phản ánh sự phù hợp của sinh viên với nghề giáo viên tiểu học. Tuy nhiên, yêu trẻ chỉ là

một trong số nhiều yếu tố để trở thành một giáo viên giỏi. Sinh viên lựa chọn vào ngành vì thấy so với các công việc khác có thời gian cho bản thân và gia đình (chiếm 45.7%), chứng tỏ họ quan tâm đến việc cân bằng cuộc sống, nhưng cũng cần lưu ý rằng nghề giáo đòi hỏi sự đầu tư về thời gian và tâm sức trong dạy học và giáo dục, hỗ trợ học sinh. Tín hiệu tốt, thể hiện sự tự tin của sinh viên trong khả năng giảng dạy và giao tiếp khi họ cảm thấy bản thân có năng khiếu nên chọn ngành chiếm 41.5%. Những người có năng khiếu cũng rất cần được phát triển qua rèn luyện và trải nghiệm thực tế. Một số yếu tố khác như: dễ xin việc, thu nhập ổn định (chiếm 37.2%), được xã hội tôn trọng (chiếm 35.1%), gia đình có truyền thống là nhà giáo (chiếm 13.8%) mặc dù không phải là động lực chính để lựa chọn nhưng lại là yếu tố thực tế, nhưng nếu đặt nặng, sinh viên có thể thiếu động lực nội tại và không kiên trì với nghề khi gặp khó khăn. Nhận định chung rằng, đa số sinh viên chọn nghề giáo viên tiểu học vì lý do nội tại (yêu

thích trẻ em, năng khiếu) là nền tảng tốt nhưng cần được rèn luyện thêm nhiều kỹ năng và tinh thần trách nhiệm với nghề. Một bộ phận sinh viên có xu hướng chọn nghề vì lý do “thực dụng” (thu nhập, thời gian, danh vọng). Điều này có thể ảnh hưởng đến động lực lâu dài nếu không được định hướng đúng đắn.

3.2.2. Thái độ của sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên đối với Ngành

Việc xây dựng thái độ nghề nghiệp tích cực giúp sinh viên củng cố động lực nội sinh, xác định rõ trách nhiệm và giá trị nghề giáo, từ đó tăng cường sự gắn bó và cam kết nghề nghiệp. Bên cạnh đó, thái độ nghề nghiệp đúng đắn còn góp phần hình thành bản sắc nghề nghiệp, nâng cao khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục, và là nền tảng để rèn luyện phẩm chất, đạo đức nhà giáo. Thái độ tích cực về nghề sẽ thúc đẩy sinh viên học tập và thực hành sư phạm với tinh thần trách nhiệm, chủ động và cầu tiến.

Bảng 2. Thái độ của sinh viên đối với nghề

STT	Các biểu hiện	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không
1	Quan tâm đến các vấn đề về nghề dạy học	44.9%	53.5%	1.6%	-	-
2	Hài lòng với nghề mình đang học	40.6%	51.9%	7.5%	-	-
3	Các môn học trong chương trình hấp dẫn em	21.4%	62.0%	15.0%	1.1%	-
4	Với em nghề dạy học là nghề cao quý	78.6%	20.9%	-	-	-
5	Dù khó khăn nhưng em quyết đi đến cùng con đường em đã chọn	62.0%	35.8%	2.1%	-	-

Bảng 2 cho thấy, những sinh viên quan tâm đến các vấn đề về nghề dạy học (chiếm 98.4%) chứng tỏ họ có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực với nghề. Điều này là nền tảng tốt để xây dựng tình yêu nghề và động lực học tập. Tỷ lệ sinh viên hài lòng với nghề đang học là 92.5% cho thấy đa số sinh viên đã có sự lựa chọn đúng đắn và cảm thấy phù hợp với ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là cơ sở để họ phát triển bản thân và đạt được thành công trong nghề. Tất cả 100% sinh viên đồng ý nghề dạy học là nghề cao quý cho thấy sinh viên đều thừa nhận giá trị xã hội và ý nghĩa của nghề dạy học. Đây là một yếu tố tinh thần quan trọng giúp sinh viên kiên trì với nghề khi gặp khó khăn. Khoảng 97.9% sinh viên thể hiện quyết tâm cao, sẵn sàng vượt qua khó khăn để đi đến cùng con đường mình đã chọn, có 4 sinh viên (2.1%) còn phân vân. Mặc dù tỷ lệ này nhỏ, đây vẫn là nhóm cần được quan tâm để tránh tình trạng bỏ học, nợ nhiều học phần... Nhận xét chung: Đa số sinh viên có thái độ tích cực, yêu thích và quyết tâm với

nghề. Đây là tín hiệu lạc quan cho chất lượng đội ngũ giáo viên tiểu học tương lai. Tuy nhiên, một số sinh viên còn phân vân hoặc chưa hoàn toàn hài lòng. Điều này cho thấy cần có sự hỗ trợ kịp thời từ nhà trường và giảng viên để củng cố niềm tin và động lực học tập cho nhóm này.

3.2.3. Mức độ tham gia học tập và rèn luyện của sinh viên năm nhất Ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên

Mức độ tham gia học tập và rèn luyện không chỉ là kết quả của động lực nghề nghiệp, mà còn là yếu tố phản ánh và củng cố chính động lực đó. Đào tạo sinh viên sư phạm cần tạo môi trường khuyến khích chủ động học tập để từ đó hình thành động lực nghề nghiệp bền vững. Để có kết quả chính xác hơn về động lực nghề nghiệp, ngoài nhận thức đầy đủ, thái độ tốt thì hành động tập trung học tập, chăm chỉ rèn luyện là yếu tố cần thiết. Vì vậy, chúng tôi đã tìm hiểu những hoạt động mà sinh viên ngành Giáo dục tiểu học thường xuyên tham gia trong quá trình học. Kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. Mức độ chủ động tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên sư phạm

STT	Các biểu hiện	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Phân vân	Đôi khi	Chưa thực hiện
1	Tích cực học tập trên lớp	31.6%	57.8%	9.6%	1.6%	-
2	Soạn bài, làm bài đầy đủ và tham gia thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu	36.4%	58.3%	5.9%	-	-
3	Hoàn thành tốt các hoạt động học tập và rèn luyện	42.2%	54.5%	3.7	-	-
4	Tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn, Hội tổ chức, tham gia CLB, Hoạt động xã hội...	33.7%	46.0%	18.7%	1.6%	0.5%
5	Đọc thêm tài liệu, sách báo liên quan đến nghề dạy học	19.3%	54.5	24.6	1.6%	0.5%
6	Làm gia sư để tự rèn nghề	13.4%	18.2%	18.2%	19.3%	31.6%
7	Tự giác học thêm các môn học ngoài chương trình như: nghệ thuật, ngoại ngữ, tin học...	18.7%	31.6%	32.1%	11.8%	6.4%
8	Học hỏi thêm thầy cô, bạn bè và các anh chị khóa trên	22.5%	45.5%	25.1%	2.1%	5.3%
9	Tự bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, tác phong của người GV tiểu học	42.2%	51.3%	6.4%	-	-

Kết quả từ bảng 3 cho thấy những hành vi thể hiện động lực học tập tích cực như: Tích cực học tập trên lớp (89.4%): Đa số sinh viên có thái độ học tập tích cực trên lớp, đây là dấu hiệu tốt của ý thức tự giác và động lực học tập. Hoàn thành nhiệm vụ học tập (96.7%): Sinh viên thường xuyên soạn bài, làm bài đầy đủ và hoàn thành tốt các hoạt động học tập, cho thấy trách nhiệm và cam kết đối với nhiệm vụ học tập. Bên cạnh đó, những hành vi có sự phân vân hoặc cần cải thiện: Tham gia hoạt động phong trào: Một số sinh viên (chiếm 20.8%) chưa thường xuyên hoặc ít tham gia các hoạt động ngoại khóa, điều này có thể hạn chế sự phát triển kỹ năng mềm và kết nối cộng đồng. Về vấn đề đọc thêm tài liệu vẫn còn khoảng 24.6% sinh viên phân vân trong việc đọc thêm tài liệu ngoài sách giáo khoa, cho thấy động lực tự học còn chưa mạnh ở một bộ phận sinh viên. Những hành vi cần khuyến khích thêm: Làm gia sư để có cơ hội rèn luyện nghề (vẫn còn 31.6% sinh viên chưa thực hiện); Tự học các môn ngoài chương trình (còn 50.3% sinh viên chưa thực hiện thường xuyên).

Kết quả trên phản ánh điểm tích cực là phần lớn sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập và rèn luyện. Họ nhận thức được vai trò và ý nghĩa của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa mạnh dạn thể hiện ý kiến, thiếu sự chủ động trong việc tự học và phát triển toàn diện, đặc biệt là các kỹ năng ngoài chương trình đào tạo.

3.3. Biện pháp để tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên

Có nhiều biện pháp tạo động lực cho sinh viên năm thứ nhất, trong bài viết này chúng tôi chỉ tập trung vào các biện pháp sau: Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân; Truyền cảm hứng về nghề cho sinh viên; Xây dựng thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Các biện pháp này không chỉ giúp sinh viên xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng mà còn tạo nền tảng để họ tự tin và gắn bó với sự nghiệp.

3.3.1. Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân

Kế hoạch học tập cá nhân là một lịch trình phác thảo các mục tiêu, hoạt động mà một người dùng xác định để đạt được thành công trong việc học tập và phát triển bản thân. Kế hoạch học tập cá nhân thường được tạo ra dựa trên mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của một người và nó có thể thay đổi theo thời gian. Lập kế hoạch cá nhân đối với sinh viên năm thứ nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì đây là giai đoạn chuyển giao từ môi trường học phổ thông sang môi trường đại học, đòi hỏi sự thích nghi cả về học tập, sinh hoạt, và phát triển cá nhân. Việc lập kế hoạch của sinh viên năm thứ nhất góp phần tạo động lực cho sinh viên trong hoạt động học tập và rèn luyện.

Kế hoạch các nhân có vai trò sau:

Sinh viên thích nghi với môi trường học tập mới: Sinh viên ngành Giáo dục tiểu học năm thứ

nhất thường phải làm quen với môi trường đại học, cách học tập tự chủ, và các yêu cầu mới về kiến thức và kỹ năng. Lập kế hoạch giúp các em quản lý thời gian hiệu quả, duy trì kỷ luật học tập, và hòa nhập nhanh hơn với cuộc sống sinh viên.

Xây dựng nền tảng kiến thức và kỹ năng chuyên môn: Các môn học cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và phương pháp giảng dạy là nền tảng cho việc trở thành giáo viên trong tương lai. Lập kế hoạch cá nhân giúp sinh viên dành thời gian để học lý thuyết và thực hành để rèn luyện các kỹ năng cần thiết của một giáo viên. Ngoài ra, lập kế hoạch cũng hỗ trợ sinh viên tìm hiểu thêm các kỹ năng bổ trợ như giao tiếp, quản lý lớp học, và sử dụng công nghệ trong giảng dạy...

Định hướng nghề nghiệp rõ ràng: Ngay từ năm đầu, sinh viên sư phạm cần nhận thức rõ vai trò của mình sẽ là giáo viên tương lai. Kế hoạch học tập cá nhân giúp các em tập trung vào việc học tập các môn liên quan đến giảng dạy, từ đó tạo cơ hội để phát triển định hướng nghề nghiệp phù hợp. Ví dụ, nếu muốn giảng dạy một môn học cụ thể như Toán hoặc Tiếng Việt, sinh viên có thể đầu tư thêm thời gian vào các môn chuyên ngành đó.

Rèn luyện kỹ năng sư phạm: Việc lập kế hoạch giúp sinh viên sư phạm tổ chức thời gian để thực hành giảng dạy, quan sát lớp học, hoặc tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đây là cơ hội để rèn luyện kỹ năng thiết yếu như xây dựng bài giảng, sử dụng phương tiện dạy học, và quản lý học sinh. Trong các năm học tiếp theo, sinh viên sư phạm sẽ tham gia thực tập tại các trường tiểu học. Việc lập kế hoạch học tập cá nhân từ năm nhất sẽ giúp các em sẵn sàng hơn về cả kiến thức và kỹ năng khi bước vào môi trường thực tế.

Tăng cường tính tự giác và trách nhiệm: Là giáo viên tương lai, sinh viên sư phạm cần phát triển tính tự giác trong học tập và trách nhiệm với nghề nghiệp. Lập kế hoạch cá nhân là một cách để hình thành thói quen này, giúp các em chủ động học hỏi và cải thiện bản thân.

Phát triển toàn diện và bền vững: Sinh viên sư phạm không chỉ cần kiến thức chuyên môn mà còn phải phát triển các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, và quản lý thời gian. Một kế hoạch học tập cá nhân rõ ràng sẽ giúp các em cân bằng giữa học tập, hoạt động ngoại khóa, và chăm sóc bản thân. Điều này không chỉ giúp các em đạt thành tích tốt trong học tập mà còn xây dựng hình ảnh một giáo viên tương lai toàn diện.

Hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất lập kế hoạch học tập cá nhân

- *Bước 1: Hướng dẫn sinh viên xác định mục*

tiêu cá nhân

Mục tiêu giúp sinh viên tập trung vào những gì họ muốn đạt được, đồng thời xác định được các bước cụ thể để đến được đích. Việc xác định mục tiêu cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học năm thứ nhất cần đảm bảo tính phù hợp với giai đoạn học tập, nhu cầu phát triển nghề nghiệp và khả năng cá nhân của từng sinh viên. Nên viết các mục tiêu theo mô hình SMART (cụ thể, đo lường được, khả thi, thực tế và có thời hạn). Đối với sinh viên Sư phạm năm thứ nhất cần ưu tiên các mục tiêu như: Làm quen và thích nghi với môi trường mới ở đại học; Các học phần năm thứ nhất đạt điểm A, B; Đọc thêm tài liệu, sách báo liên quan đến nghề dạy học; Tham gia ít nhất 01 Câu lạc bộ của sinh viên trong nhà trường; Học thêm tiếng Anh giao tiếp...

Trên cơ sở các mục tiêu chung, giảng viên hướng dẫn sinh viên xây dựng mục tiêu ngắn hạn (từ vài tuần đến vài tháng) hoặc dài hạn (từ vài tháng đến vài năm). Ví dụ: Với mục tiêu: Đọc thêm tài liệu, sách báo liên quan đến nghề dạy học, giảng viên hướng dẫn sinh viên viết mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cụ thể như sau:

**Mục tiêu ngắn hạn (học kỳ 1 của năm thứ nhất):*

- Mục tiêu cụ thể: Đọc và ghi chép nội dung chính từ ít nhất 1 cuốn sách chuyên ngành trong mỗi học kỳ. Ví dụ cuốn sách: Những yếu tố cơ bản của nghề dạy học của tác giả James M. Banner.

- Sản phẩm dự kiến: Viết tóm tắt khoảng 2-3 trang về các nội dung học được từ sách.

- Thời gian: Dành 2 giờ mỗi tuần để đọc sách và hoàn thành trong tháng 10/2024.

- Phương tiện hỗ trợ: máy tính có kết nối mạng, kết hợp với các bài giảng trên lớp để hiểu sâu hơn.

**Mục tiêu dài hạn (cả năm học thứ nhất):*

- Mục tiêu cụ thể: Đọc và hiểu rõ ít nhất 3-4 cuốn sách chuyên ngành trong năm học.

- Sản phẩm dự kiến: Lập danh mục sách đã đọc và nội dung đã học.

- Thời gian: Phân bổ thời gian hợp lý giữa học chính khóa và tự nghiên cứu. Hoàn thành trước tháng 5/2025.

- Phương tiện hỗ trợ: máy tính có kết nối mạng, kết hợp với các bài giảng trên lớp để hiểu sâu hơn.

- *Bước 2: Xây dựng nội dung chi tiết và cách thực hiện.*

Sau khi xây dựng mục tiêu xong thì sinh viên sẽ lên kế hoạch chi tiết. Cần hướng dẫn sinh viên đảm bảo các mục tiêu, đầu mục công việc được chia nhỏ và có thời gian hoàn thành cụ thể. Điều này sẽ giúp sinh viên dễ dàng theo dõi về tiến độ, sự phát

triển của bản thân, đồng thời tạo động lực để họ hoàn thiện công việc một cách hiệu quả nhất.

- Bước 3: Xác định điều kiện thực hiện

Một kế hoạch học tập cá nhân đòi hỏi rất nhiều thời gian để hoàn thành và đạt được mục tiêu ban đầu. Chính vì thế, sinh viên cần kiên trì từng bước để thực hiện kế hoạch. Ban đầu, sinh viên không cần thực hiện những việc đơn giản như: dậy sớm hơn 30 phút, học thêm ngoại ngữ hoặc học thêm kỹ năng mới... Dần dần sẽ tạo thành thói quen để sinh viên phấn đấu và hoàn thiện bản thân, đạt được mục tiêu đã đề ra.

Bảng 4. Kế hoạch đọc sách chuyên ngành của sinh viên năm thứ nhất

Tuần	Nhiệm vụ	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1-2	- Lựa chọn sách, tài liệu cần đọc. - Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả và nội dung chính của sách.	4 giờ	Ghi chép danh sách sách và mục tiêu cần đạt được.
3-4	- Đọc phần đầu của cuốn sách thứ nhất “Nghề thầy” của tác giả Hoàng Đạo Thúy - Ghi chú nội dung quan trọng.	4 giờ/tuần	Tập trung vào các nội dung quan trọng
5-6	- Đọc tiếp nội dung “năm phần: đức, chí, thể, chí, công” - Hoàn thành tóm tắt cuốn sách.	4 giờ/tuần	Tập trung vào các nội dung quan trọng
7-8	- Đọc tiếp nội dung “phần thầy” của cuốn sách	4 giờ/tuần	Viết bài phản ánh đầu tiên (2 trang).
9-10	- Đọc tiếp 3 nội dung đầu của cuốn sách thứ 2: Những yếu tố cơ bản của nghề dạy học	4 giờ/tuần	Ghi chú nội dung quan trọng.
11	- Đọc tiếp 4 nội dung tiếp theo của cuốn sách thứ 2: Những yếu tố cơ bản của nghề dạy học	2 giờ	Ghi chú nội dung quan trọng.
12-14	- Đọc tiếp phần nội dung còn lại của cuốn sách thứ 2: Những yếu tố cơ bản của nghề dạy học	2 giờ/tuần	Đánh giá ý nghĩa của sách đối với nghề nghiệp tương lai.
15	- Rà soát lại toàn bộ các ghi chú, tóm tắt và bài viết phản ánh.	2 giờ	Chuẩn bị thảo luận nhóm hoặc trình bày nếu có.
16	- Đánh giá lại quá trình đọc sách: những gì đã học được, cải thiện gì cho học kỳ sau.	2 giờ	Viết bài tổng kết ngắn

3.3.2. Truyền cảm hứng về nghề cho sinh viên

Việc truyền cảm hứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên được thực hiện từ những ngày đầu nhập học, cụ thể bằng những hoạt động thực tế như:

- Kết nối thầy cô cố vấn học tập, các anh chị sinh viên khóa trên với tân sinh viên ngay từ đầu đến trường, kết nối với các thầy cô thuộc bộ môn chuyên môn trong các buổi chào đón tân sinh viên, các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa tân sinh viên với các thầy cô giáo. Kết nối giữa các tân sinh viên của ngành ngay từ đầu bằng nhóm Zalo của lớp...

- Bước 4: Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch

Thực tế, bất kỳ kế hoạch nào cũng cần có sự theo dõi, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Ví dụ, nếu kế hoạch “quá nặng” so với khả năng của cá nhân thì cá nhân có thể điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp hơn. Hoặc nếu cảm thấy mục tiêu trước đó chưa đáp ứng được với định hướng nghề nghiệp trong tương lai thì cũng cần có những điều chỉnh lại cho phù hợp.

Bảng sau là ví dụ về kế hoạch đọc sách chuyên ngành của sinh viên trong học kì 1 năm học thứ nhất:

Nhờ các hoạt động kết nối này, tân sinh viên không cảm thấy bơ vơ và được hỗ trợ ngay khi nhập học.

- Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu về ngành sư phạm nói chung, nghề giáo viên tiểu học thông qua các học phần liên quan như Giáo dục học tiểu học, Tâm lý học tiểu học, Nhập môn nghề giáo viên tiểu học ngay trong năm thứ nhất để sinh viên có những hiểu biết khái quát về nghề, từ đó xây dựng mục tiêu để học tập và rèn luyện. Trong các học phần giảng viên dành thời gian để chia sẻ những câu chuyện thực tế về nghề, khuyến khích sinh viên chia sẻ quan điểm cá nhân về nghề giáo và những câu chuyện cảm động hoặc ý nghĩa về các

thầy cô giáo có ảnh hưởng tích cực đến học sinh, cộng đồng.

- Kết nối, giao lưu với cựu sinh viên của ngành: Tân sinh viên được gặp gỡ, giao lưu với những cựu sinh viên xuất sắc, thành công trong nghề trong các dịp chào đón Tân sinh viên, Hội thi nghiệp vụ sư phạm, Lễ tri ân thầy cô 20/11... Nhờ hoạt động này sinh viên có cơ hội giao lưu, học hỏi các anh chị cựu sinh viên về nghề nghiệp từ năm thứ nhất.

3.3.3. Xây dựng thái độ nghề nghiệp đúng đắn

- Nhấn mạnh giá trị đạo đức nghề nghiệp: Đưa vào các bài giảng, buổi thảo luận những tấm gương thầy cô giáo tận tụy với nghề, đối xử công bằng và luôn yêu thương tôn trọng học sinh.

- Giới thiệu các tấm gương: Kể về những giáo viên kiên trì vượt khó khăn để tạo ra thay đổi tích cực trong học sinh và cộng đồng.

- Khuyến khích sự tự hào về nghề: Nhấn mạnh vai trò của người giáo viên trong thời đại mới không chỉ dạy kiến thức mà còn là người truyền cảm hứng, người kết nối và làm tấm gương học tập và rèn luyện suốt đời.

** Tổ chức các hoạt động thực tế sớm cho sinh viên*

- Tham quan trường tiểu học: Đưa sinh viên đến các trường tiểu học để quan sát hoạt động dạy học thực tế, trò chuyện với các giáo viên để tìm hiểu thực tiễn công việc của họ.

- Tạo cơ hội tương tác với trẻ em: Khuyến khích sinh viên tham gia các chương trình tình nguyện hoặc hoạt động ngoại khóa liên quan đến trẻ em, giúp họ cảm nhận niềm vui từ công việc này.

- Thực hành sớm: Cho sinh viên tham gia các hoạt động hỗ trợ giáo viên, giao lưu với học sinh để hiểu được công việc hàng ngày của một giáo viên tiểu học.

- Phản ánh sau trải nghiệm: Sau mỗi hoạt động

thực tế, khuyến khích sinh viên viết bài thu hoạch và chia sẻ đến thầy cô và bạn bè những suy nghĩ, đánh giá của bản thân về hoạt động đó...

** Hỗ trợ thường xuyên, động viên khích lệ sinh viên*

- Hỗ trợ tâm lý: Tạo môi trường để sinh viên chia sẻ khó khăn và nhận được sự hỗ trợ từ giảng viên và các bạn sinh viên cùng khóa, các sinh viên khóa trên.

- Khen thưởng động viên: Động viên sinh viên khi họ thể hiện sự cố gắng hoặc có những suy nghĩ đúng đắn về nghề nghiệp.

- Đánh giá thái độ và nhận thức: Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nhận thức của sinh viên về nghề qua các bài tập, bài thảo luận hoặc khảo sát.

** Xây dựng văn hóa tích cực*

Tạo môi trường học tập nơi sinh viên cảm thấy được tôn trọng, yêu thương, và khuyến khích sự cống hiến cho nghề giáo.

Những biện pháp này không chỉ giúp sinh viên nhận thức đúng giá trị nghề nghiệp mà còn xây dựng cho họ động lực và niềm tin vững chắc khi theo đuổi sự nghiệp giáo dục.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra lí do chọn nghề, thái độ nghề nghiệp, mức độ tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên, đồng thời đề xuất các biện pháp nhằm tạo và duy trì động lực cho họ. Mặc dù, chưa thực nghiệm để kiểm chứng trong bài viết này, nhưng thực tế giảng dạy và tham gia các hoạt động cùng với sinh viên năm thứ nhất, tác giả nhận thấy bước đầu các biện pháp đề xuất là phù hợp đối tượng và điều kiện thực tiễn. Chúng tôi sẽ tiếp tục áp dụng để kiểm chứng tính hiệu quả của các biện pháp này trong các nghiên cứu tiếp theo.

CREATING CAREER MOTIVATION FOR FIRST-YEAR STUDENTS OF PRIMARY EDUCATION AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Bui Thi Tam¹, Dinh Thi Kieu Loan¹

Received Date: 27/03/2025; Revised Date: 07/05/2025; Accepted for Publication: 20/05/2025

ABSTRACT

This article analyzes the current situation and proposes measures to enhance career motivation for first-year students majoring in Primary Education at Tay Nguyen University. The study examines survey results from 187 students in the 2024–2028 cohort regarding their reasons for choosing the major, their attitudes, and their level of participation in academic and training activities. The findings show that while most students have a positive attitude, some remain hesitant or lack career motivation. The author proposes several measures to foster career motivation among first-year students, including: guiding students in developing personal study plans, inspiring students about the teaching profession, and building a proper professional attitude. These measures aim to promote self-discipline, a sense of responsibility, and a love for the profession from the very first year.

Keywords: Motivation, career motivation, primary education students, Tay Nguyen University

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bomia, L., Beluzo, L., Demeester, D., Elander, K., Johnson, M., & Sheldon, B. (1997). *The Impact of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation*. ERIC Document Reproduction Service No. ED 418925, Champaign, IL: ERIC Clearinghouse on Elementary and Early Childhood Education.
- Durbin, A.J. (2008). *Human Relations for Career and Personal Success*. Upper Saddle River, N.J.: Pearson Education, Inc.
- Kula, S.S. (2022). *The predictive relationship between pre-service teachers' self-efficacy belief, attitudes towards teaching profession and teaching motivation*. International Journal of Contemporary Educational Research, 9(4), 705-718.
- Murphy, P.K. & Alexander, P.A. (2000). *A Motivated Exploration of Motivation Terminology*. Contemporary Educational Psychology, 25, 3 – 53.
- Nguyễn Chí Thành (2021). *Biện pháp tạo động lực nghề nghiệp cho sinh viên năm nhất ngành sư phạm tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Nguyễn Thị Ngọc Liên (2016). *Động lực nghề nghiệp của giáo viên nhìn từ góc độ vị thế nhà giáo*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam 133, 14-18.
- Pintrich, P.R. (2003). A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts. Journal of Educational Psychology, 95, 667-686.
- Phạm Minh Hạc (2012). *Từ điển Bách khoa tâm lý học, giáo dục học Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục.
- Schunk, D.H. (2000). *Coming to terms with motivation constructs*. Contemporary Educational Psychology, 25, 116-119.
- Şeker, H., Deniz, S. & Görden, İ., (2015). *Pre-service teachers' motivations toward teaching profession and their opinions about the pedagogic formation program*. Educational Research and Reviews, 10 (10), 1403-1414.
- Tran, T.H.D. & Cao, T.H. (2020). *Inside an English language teacher education program in VietNam: Students' motivations for teaching and their intentions to teach*. VNU Journal of Foreign Studies, 36(3), 33-52.
- Watt, H.M.G. & Richardson, P.W. (2007). *Motivational Factors Influencing Teaching as a Career Choice: Development and Validation of the FIT-Choice Scale*. The Journal of Experimental Education, 75(3), 167–202.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

²Department of Personnel Organization, Tay Nguyen University; Tay Nguyen University;

Corresponding author: Bui Thi Tam; Phone: 0904471847; Email: bttam@ttn.edu.vn.